|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Các bệnh nhiễm liên cầu sau đây, bệnh nào dễ dẫn đến thấp tim nhất: |
| \* | Viêm họng |
|  | Viêm tai giữa |
|  | Viêm đường hô hấp |
|  | Viêm xoang |
| End |  |
| 002 | Cơ chế sinh bệnh nào **không đúng** với thấp tim: |
|  | Cơ chế nhiễm độc |
| \* | Cơ chế nhiễm trùng |
|  | Cơ chế miễn dịch |
|  | Cơ chế dị ứng |
| End |  |
| 003 | Trong tiêu chuẩn của Jones để chẩn đoán thấp tim, hiệu giá kháng thể ASLO là bao nhiêu mới nói được nhiễm liên cầu khuẩn: |
|  | ≥ 100 UI |
|  | ≥ 150 UI |
|  | ≥ 170 UI |
| \* | ≥ 200 UI |
| End |  |
| 004 | Tìm ý đúng về đặc điểm chung của viêm tim trong thấp tim: |
|  | Thường gặp nhất là viêm cả 3 thành phần của tim |
|  | Thường kèm theo viêm khớp |
| \* | Thường gặp nhất là viêm cơ tim kết hợp với viêm nội tâm mạc |
|  | Thường xảy ra sau khi viêm đa khớp |
| End |  |
| 005 | **Tìm ý sai** trong đặc điểm thấp tim thể múa giật: |
|  | Xuất hiện ở trẻ gái nhiều hơn trẻ trai |
|  | Khởi đầu bằng thay đổi tính tình nhẹ |
|  | Múa giật hết khi bệnh nhân ngủ |
| \* | Thường có rối loạn cảm giác |
| End |  |
| 006 | Tìm đặc điểm **sai** của viêm họng do liên cầu là: |
|  | Họng rất đau |
| \* | Sốt nhẹ |
|  | Có nổi hạch góc hàm |
|  | Có giả mạc trắng, dai |
| End |  |
| 007 | Đặc điểm của viêm đa khớp do thấp tim: |
|  | Đối xứng |
|  | Biến dạng khớp |
|  | Viêm các khớp nhỏ |
| \* | Di chuyển và khỏi hoàn toàn |
| End |  |
| 008 | Biểu hiện hay gặp nhất của viêm nội tâm mạc trong thấp tim đợt đầu là |
|  | Nhịp tim chậm |
|  | Rối loạn nhịp kiểu rung nhĩ |
|  | Điện tâm đồ bình thường |
| \* | T1 mờ và có thổi tâm thu ở mỏm |
| End |  |
| 009 | Triệu chứng chính của bệnh thấp tim theo tiêu chuẩn Jones 1982: |
|  | Đau khớp |
|  | Mỏi khớp |
| \* | Sưng, nóng, đỏ đau khỏi không để lại di chứng |
|  | Cứng khớp |
| End |  |
| 010 | Triệu chứng chính của bệnh thấp tim theo tiêu chuẩn Jones 1982 |
|  | Ban kiểu sởi |
| \* | Ban vòng |
|  | Tử ban |
|  | Ban toàn thân mất nhanh |
| End |  |
| 011 | Triệu chứng của bệnh thấp tim theo tiêu chuẩn Jones 1982 |
|  | Co giật toàn thân |
| \* | Múa giật |
|  | Run giật nhãn cầu |
|  | Giật liên tục khi ngủ không hết |
| End |  |
| 012 | Triệu chứng phụ của bệnh thấp tim theo tiêu chuẩn Jones 1982 |
|  | Hematocrit giảm |
| \* | Máu lắng tăng |
|  | Bạch cầu giảm |
|  | Tiểu cầu tăng |
| End |  |
| 013 | Triệu chứng phụ của bệnh thấp tim theo tiêu chuẩn Jones 1982 |
|  | Đau cơ |
| \* | Đau khớp |
|  | Đau bụng |
|  | Tức ngực |
| End |  |
| 014 | Triệu chứng chính của bệnh thấp tim theo tiêu chuẩn Jones 1982 |
|  | Viêm cơ tim sau quai bị |
|  | Viêm cơ tim sau bạch hầu |
| \* | Viêm cơ tim cùng với viêm đa khớp |
|  | Viêm cơ tim do virus |
| End |  |
| 015 | Tìm 1 thể lâm sàng của thấp tim. |
|  | Viêm khớp mủ |
|  | Viêm khớp lao |
| \* | Viêm đa khớp sau nhiễm LCK |
|  | Viêm đa khớp mạn tính |
| End |  |
| 016 | Tìm 1 thể lâm sàng của thấp tim |
|  | Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng |
| \* | Viêm nội tâm mạc sau nhiễm trùng LCK |
|  | Viêm ngoại tâm mạc mủ |
|  | Viêm cơ tim sau tụ cầu trùng phổi |
| End |  |
| 017 | Tìm 1 thể lâm sàng của thấp tim. |
|  | Hở 2 lá bẩm sinh |
|  | Hẹp 2 lá bẩm sinh |
| \* | Viêm tim khởi phát chậm |
|  | Hẹp ĐMC bẩm sinh |
| End |  |
| 018 | Tìm 1 thể lâm sàng của thấp tim. |
|  | Tràn dịch màng ngoài tim đơn thuần nước trong |
| \* | Viêm màng ngoài tim cùng với viêm nội tâm mạc |
|  | Viêm màng ngoài tim nước vàng chanh |
|  | Viêm màng ngoài tim có dịch máu |
| End |  |
| 019 | 20. Tìm 1 xét nghiệm giúp cho chẩn đoán thấp tim. |
|  | Tuý đồ |
|  | X-Quang tim phổi |
| \* | Điện tâm đồ |
|  | CRP |
| End |  |
| 020 | Tìm 1 xét nghiệm giúp cho chẩn đoán thấp tim. |
|  | Điện não đồ |
|  | Điện giải đồ |
| \* | Điện tâm đồ |
|  | Động mạch cảnh đồ |
| End |  |
| 021 | Tìm 1 xét nghiệm giúp cho chẩn đoán thấp tim. |
|  | Hematocrit |
| \* | Máu lắng |
|  | Hemoglobin |
|  | Cấy nước tiểu |
| End |  |
| 022 | Điều trị chống viêm thấp tim thể viêm đa khớp bằng 1 loại thuốc. |
|  | Corticoid |
| \* | Aspirin |
|  | Phenylbutazon |
|  | Voltaren |
| End |  |
| 023 | Điều trị suy tim trong thấp tim bằng Digoxin liều trung bình là: |
|  | 0,1 mg/kg/24giờ |
| \* | 0.01 mg/kg/24giờ |
|  | 0,001mg/kg/24giờ |
|  | 0,0001 mg/kg/24giờ |
| End |  |
| 024 | Điều trị phòng thấp tái phát khi đã điều trị hết đợt cấp cho trẻ >6 tuổi bằng Benzathin Penixilin 3 – 4 tuần/ lần với liều lượng là: |
|  | 600.000 UI |
|  | 800.000 UI |
|  | 1.000.000 UI |
| \* | 1.200.000 UI |
| End |  |
| 025 | Thời gian phòng thấp tái phát đối với thể viêm tim nặng là: |
|  | 5 năm |
|  | 10 năm |
|  | 12 năm mà chưa đến 35 tuổi |
| \* | Suốt đời |
| End |  |
| 026 | Bệnh thấp tim thường xảy ra sau khi bị liên cầu khuẩn xâm nhập khoảng |
|  | 1 – 2 tuần |
|  | 2 – 3 tuần |
| \* | 2 – 4 tuần |
|  | 3 – 4 tuần |
| End |  |
| 027 | Biểu hiện ở khớp trong thấp tim có đặc điểm |
|  | Xảy ra từ từ |
| \* | Hay gặp ở khớp lớn: khớp gối, khớp cổ chân, khớp vai… |
|  | Hay gặp ở các khớp nhỏ: khớp liên đốt, khớp bàn ngón… |
|  | Viêm nhiều khớp cùng lúc |
| End |  |